

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2017

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Trần Minh Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1984; cư trú tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh B, sinh năm 1989; cư trú tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

Bà Trương Thị H và ông Lê Minh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009. Đến năm 2017, bà H và ông B tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13/01/2017.

Sau khi tự nguyện chung sống với nhau bà H và ông B sống tại ấp C, thị trấn T, huyện T. Đến thời gian gần đây ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Ông B thường xuyên ăn chơi và mượn nợ nần, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà H cũng nhiều lần tha thứ cho ông B vì muốn gìn giữ gia đình để lo cho con cái nhưng ông B không chịu sửa chữa. Bà H nhận thấy hạnh phúc gia đình không còn như trước nên muốn ly hôn để trả tự do cho hai bên. Ông B hiện giờ đi biển còn bà H ở nhà nuôi con và hai người không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà H và ông B có hai người con chung là Trương Minh Quốc T, sinh ngày 03/9/2011 và Trương Thị Hiền M, sinh ngày 03/7/2013. Hiện nay cháu Trương Thị Hiền M đang sống chung với bà H, cháu Trương Minh Quốc T đang sống chung với ông B. Do trước đây ông B và bà H chưa đăng ký kết hôn nên hai cháu lấy họ của bà H làm giấy khai sinh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Trương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh B.

- Về con chung: Theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu theo ông B thì ông B nuôi dưỡng và bà H không cấp dưỡng nuôi con, nếu các cháu theo bà H thì bà H nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 10 năm 2017 bị đơn ông Lê Minh B trình bày:

Ông B và bà H chung sống với nhau từ năm 2009 đến ngày 13/01/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau nên vợ, chồng không còn sống chung từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông và bà H có 02 người con chung là Trương Minh Quốc T, sinh ngày 03/9/2011 và Trương Thị Hiền M, sinh ngày 03/7/2013. Hiện nay cháu Trương Thị Hiền M đang sống chung với bà H, cháu Trương Minh Quốc T đang sống chung với ông B. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông B có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông B đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông B yêu cầu được nuôi cháu Trương Minh Quốc T, sinh ngày 03/9/2011 đến tuổi thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu T. Ông B đồng ý giao cháu Trương Thị Hiền M, sinh ngày 03/7/2013

cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, ông B không phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn nhau đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về con chung nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi người nuôi một cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trương Thị Hiền M, sinh ngày 03/7/2013 cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Trương Minh Quốc T, sinh ngày 03/9/2011 cho ông B nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Bà H, ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn ông Lê Minh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Minh B.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H, sinh năm 1984 và ông Lê Minh B, sinh năm 1989 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13/01/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị H và ông Lê Minh B là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà H, ông B hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 6 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông B không thể hàn gắn tình cảm với nhau được và ông, bà đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[6] Về con chung: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Thị Hiền M, sinh ngày 03/7/2013 đến tuổi thành niên vì cháu M đang sống chung với bà H và bà cũng đồng ý giao cháu Trương Minh Quốc T, sinh ngày 03/9/2011 cho ông Lê Minh B nuôi dưỡng đến tuổi thành niên theo yêu cầu của ông B. Xét thấy, bà H và ông B đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và việc thỏa thuận của bà H và ông B không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức, xã hội nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc người trực tiếp nuôi con của bà H và ông B.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Hiền M và ông B cũng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Trương Minh Quốc T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giành quyền thăm nom, chăm sóc cháu Trương Thị Hiền M cho ông B, không ai được quyền cản trở; ông B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thị Hiền M của bà H. Giành quyền thăm nom, chăm sóc cháu Trương Minh Quốc T cho bà H, không ai được quyền cản trở; bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Minh Quốc T của ông B.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông B xác định ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bà Trương Thị H là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lê Minh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Lê Minh B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Hiền M, sinh ngày 03/7/2013 cho bà Trương Thị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Trương Minh Quốc T, sinh ngày 03/9/2011 cho ông Lê Minh B nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Bà Trương Thị H và ông Lê Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Lê Minh B không được lạm dụng việc thăm nom cháu M để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trương Thị H. Bà Trương Thị H không được lạm dụng việc thăm nom cháu T để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Lê Minh B.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị H không yêu cầu ông Lê Minh B cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Hiền M và ông Lê Minh B cũng không yêu cầu bà Trương Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Trương Minh Quốc T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị H và ông Lê Minh B xác định là ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006439 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Trương Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo

trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn